

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Số: 423/QĐ-CDKTKTTS-CTHSSV
(V/v cấp học bổng học kỳ 2
năm học 2019-2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp học bổng khuyến khích học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc học bổng khuyến khích học nghề;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-CDKTKTTS-CTSV ngày 28/05/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản về “Quy định học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng đối với học sinh, sinh viên”;

Căn cứ kết quả điểm trung bình chung học tập, điểm rèn luyện của sinh viên học kỳ I năm học 2019-2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019-2020 cho sinh viên các lớp hệ Cao đẳng (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian được hưởng học bổng là 5 tháng từ ngày 03/02/2020 đến hết ngày 30/06/2020.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác học sinh sinh viên, Tài chính kế toán, Đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế toán;
- Đưa Website Nhà trường;
- Lưu: CTHSSV, VT.



***TS. Bùi Thị Hạnh**

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020

Ngành: Kinh tế

(Kèm theo quyết định số: **423** CDKTKT&TS-CTSV ngày **11** tháng **8** năm 2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại						
1	Phan Thị	Nhung	09/01/1998	3.8	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	710,000	5	130%	4,615,000	1714001
2	Nguyễn Ngọc	Linh	20/10/1999	3.6	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	710,000	5	120%	4,260,000	1714001
3	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	25/02/1980	3.4	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	710,000	5	120%	4,260,000	1914001
4	Hồ Mai	Hương	07/05/2000	3.2	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	710,000	5	120%	4,260,000	1814001
5	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/10/2001	3.1	Khá	80	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1914001
6	Trần Lệ	Quyên	22/04/2000	3.0	Khá	82	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1914001
7	Khổng Thị Kim	Tuyến	26/07/2000	3.0	Khá	88	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1914001
8	Nguyễn Công	Minh	17/08/2000	2.8	Khá	90	Xuất sắc	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1914001
Tổng												31,595,000	

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Huyền Trang

TP.CÔNG TÁC SINH VIÊN



Ths. Đỗ Văn Sơn



TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020

Ngành: Nuôi trồng Thủy sản

(Kèm theo quyết định số: **423** CDKTKT&TS-CTSV ngày **11** tháng **8** năm 2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp	Khóa
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại							
1	Dỗ Hải	Long	25/05/2000	3.4	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	710,000	5	120%	4,260,000	1911002	Khóa 13
2	Vũ Mạnh	Tùng	11/03/1998	3.2	Khá	85	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1711001	Khóa 11
3	Tạ Văn	Huy	09/09/2000	3.0	Khá	88	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1811001	Khóa 12
4	Bùi Tuấn	Anh	14/12/1999	3.0	Khá	80	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1711001	Khóa 11
5	Cao Trường	Giang	16/07/1994	3.0	Khá	80	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1911002	Khóa 13
6	Vũ Văn	Chung	23/5/199	2.8	Khá	89	Tốt	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1711001	Khóa 11
7	Đoàn Viết	Dũng	15/05/2001	2.7	Khá	90	Xuất sắc	Khá	710,000	5	100%	3,550,000	1911002	Khóa 13
Tổng												25,560,000		

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Huyền Trang

TP.CÔNG TÁC SINH VIÊN



Ths. Đỗ Văn Sơn



TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020

Ngành: Công nghệ thông tin

(Kèm theo quyết định số: 423 CDKTKT&TS-CTSV ngày 11 tháng 8 năm 2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại						
1	Trần Khắc	Mạnh	23/04/1998	2.7	Khá	90	Xuất sắc	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	1718001

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Huyền Trang

TP.CÔNG TÁC SINH VIÊN



Ths. Đỗ Văn Sơn



HIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020

Ngành: Chế biến và bảo quản thủy sản

(Kèm theo quyết định số: 423 CDKTKT&TS-CTSV ngày 11 tháng 8 năm 2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại						
1	Lương Hoàng Việt	Anh	06/11/2000	3.2	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	850,000	5	120%	5,100,000	19111001
2	Hà Kiều	Hưng	31/05/2001	3.4	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	850,000	5	120%	5,100,000	19111001
3	Chu Phương	Thảo	21/07/2001	3.3	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	850,000	5	120%	5,100,000	19111001
4	Dương Mạnh	Linh	06/11/1998	3.3	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	850,000	5	120%	5,100,000	19111001
5	Nguyễn Đình	Huy	15/09/2001	2.8	Khá	82	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
6	Nguyễn Quang	An	24/09/2001	2.8	Khá	80	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
7	Đỗ Mai	Anh	16/07/2001	3.1	Khá	82	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
8	Nguyễn Ánh Ngọc	Diệp	13/09/2000	2.8	Khá	88	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
9	Nguyễn Thị Lan	Hương	27/06/2001	2.9	Khá	88	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
10	Võ Trần Hoài	Nam	01/01/2000	2.8	Khá	80	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
11	Nguyễn Ngọc	Sơn	27/03/2000	2.8	Khá	80	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001

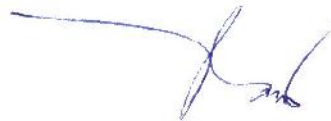
TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại						
12	Trần Văn	Thuần	31/08/2001	2.7	Khá	80	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
13	Vũ Anh	Tuấn	24/07/2001	2.8	Khá	80	Tốt	Khá	850,000	5	100%	4,250,000	19111001
Tổng												58,650,000	

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Huyền Trang

TP.CÔNG TÁC SINH VIÊN



Ths. Đỗ Văn Sơn



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh

**BẢNG DỰ TIẢO CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CHO SINH VIÊN
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020**

TT	Tên ngành	Dự chi theo ngành	Điểm sàn	Xếp loại	Số SV được cấp	Số tiền/tháng	Định mức hưởng	Số tháng hưởng	Tổng	Ghi chú
1	Kinh tế	31,595,000	2.7	Xuất sắc	1	710,000	130%	5	4,615,000	
				Giỏi	3	710,000	120%	5	12,780,000	
				Khá	4	710,000	100%	5	14,200,000	
2	Nuôi trồng thủy sản	25,560,000		Giỏi	1	710,000	120%	5	4,260,000	
				Khá	6	710,000	100%	5	21,300,000	
3	Công nghệ thông tin	4,250,000		Khá	1	850,000	100%	5	4,250,000	
4	Chế biến và bảo quản thủy sản	58,650,000		Giỏi	4	850,000	120%	5	20,400,000	
				Khá	9	850,000	100%	5	38,250,000	
Tổng		120,055,000				29	Dự chi học bổng			120,055,000

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

Ths. Đỗ Văn Sơn

P. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Ngô Thị Kim Nguyệt

